

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tố Như

2. Ông Vũ Thành Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 21/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự;

+ *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bích H**, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số nhà 73, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

+ *Bị đơn:* Ông **Trần Phương P**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số nhà 73, đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 09/12/2022 và những lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H thể hiện như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Trần Phương P quen biết nhau từ khoảng năm 1993, sau đó tự tìm hiểu nhau đến năm 1995 thì tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống với nhau. Việc chung sống là tự nguyện và được gia đình hai bên đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn vào ngày 17/4/1995 tại UBND xã L, huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bình thường, đôi khi có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lớn hơn, nguyên nhân do ông P ham chơi, không chịu làm, thường xuyên rượu chè, cờ

bạc, nợ nần, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cách làm ăn kinh tế, không tôn trọng nhau. Ngoài ra Bà H còn nghe một số người nói về việc ông P có quan hệ với người phụ nữ khác. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2020 đến nay Bà H không còn nhờ ông P làm bất cứ công việc gì trong gia đình và vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, mặc dù sống cùng nhà nhưng mạnh ai người ấy sống không có sự bàn bạc chia sẻ công việc. Vì vậy năm 2021 bà cũng đã nộp đơn ra Tòa án đề nghị giải quyết ly hôn nhưng vì con cái nên bà đã rút đơn ly hôn nhưng ông P cũng không thay đổi, giữa bà và ông P cũng không có tiếng nói chung trong cuộc sống, bà khuyên bảo nhiều lần nhưng ông P không nghe, bà cũng đứng ra trả nợ riêng cho ông P nhiều lần nhưng sau đó ông P vẫn chơi bời, nợ nần.

Nay do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Phương P.

- Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 30/11/1995; Trần Mộng Tr, sinh ngày 10/8/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Bà H không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H tự thỏa thuận với ông P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và lời trình bày trong các biên bản hòa giải bị đơn ông Trần Phương P trình bày:

Ông thống nhất với những lời trình bày của Bà H về quá trình quen biết, tìm hiểu và chung sống, kết hôn, có con chung của vợ chồng. Đối với yêu cầu ly hôn của Bà H ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông P thừa nhận quá trình chung sống thỉnh thoảng vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn vì vậy vợ chồng tự giải quyết và tiếp tục chung sống với nhau. Từ năm 2020 đến nay thì vợ chồng đã sống ly thân, những công việc trong gia đình Bà H không bàn bạc gì với ông, ông chỉ phụ giúp bà khi nào cần. Ông thừa nhận khi rảnh thì có uống rượu với bạn bè, có chơi cờ bạc, còn nợ riêng của ông thì ông tự kiếm tiền trả nợ và lo cho bản thân từ nhiều năm nay rồi. Tuy nhiên việc ông uống rượu, chơi bời, nợ nần không gây ảnh hưởng đến gia đình. Việc Bà H yêu cầu ly hôn là do Bà H bị áp lực về con cái và kinh tế nên mới yêu cầu ly hôn. Nay do ông vẫn còn tình cảm với Bà H, mặt khác do ông theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông P và Bà H có 02 con chung như Bà H trình bày trên là đúng. Do các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên ông P không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông P tự thỏa thuận với Bà H, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P cam kết vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn ông Trần Phương P giữ nguyên ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản không có vi phạm gì.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp lý nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Bà H về việc ly hôn với ông Trần Phương P. Về con chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống bà và ông P có 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 30/11/1995; Trần Mộng Tr, sinh ngày 10/8/1997, hiện 02 con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét giải quyết;

Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Trần Phương P cư trú tại số 73, Lê Lợi, xã L, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Phương P chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 17/4/1995, việc chung sống là tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và được hai bên gia đình đồng ý. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống Bà H trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 và ông P cũng thừa nhận vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng từ năm 2020, vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Cả Bà H và ông P đều thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân khoảng 03 năm nay, mạnh ai người ấy sống. Vợ chồng không quan tâm, chia sẻ công việc trong cuộc sống, không có sự thương yêu, chăm sóc nhau. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do ông P ham chơi, cờ bạc, nợ

nần, lười lao động, không đi làm phụ giúp Bà H trong cuộc sống, mọi kinh tế và thu nhập trong gia đình một mình Bà H lo.

Do Bà H không còn tình cảm gì với ông P, mục đích hôn nhân không đạt được nên Bà H vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Trần Phương P.

Còn ông P do còn tình cảm với Bà H, mặt khác ông là người theo đạo Công giáo nên không đồng ý ly hôn.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương cũng xác nhận giữa Bà H và ông P nhiều năm nay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông P nhưng ông P không thay đổi.

Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình thì: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự và phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Xác định giữa Bà H và ông P có xảy ra mâu thuẫn nhiều năm nay, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân 03 năm, không ai quan tâm, chăm sóc gì đến nhau, trong cuộc sống vợ chồng không bàn bạc các công việc cùng nhau. Xét thấy ông P trình bày hiện vẫn còn tình cảm với Bà H nhưng đó chỉ là ý kiến đơn phương từ một phía không được Bà H thừa nhận. Mặt khác, từ khi sống ly thân đến nay ông P cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, sửa chữa sai lầm, phụ giúp Bà H các công việc trong cuộc sống mà để Bà H tự lo mọi việc, còn ông kiếm tiền trả nợ riêng cho bản thân. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân của Bà H và ông P đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 39 Bộ luật dân sự, xử cho Bà H và ông P được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về con chung: Bà H và ông P đã có với nhau 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 30/11/1995; Trần Mộng Tr, sinh ngày 10/8/1997. Hiện 02 con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên Bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà H và ông P thống nhất tự thỏa thuận chia nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Bà H và ông P thống nhất trình bày hiện tại vợ chồng không vay nợ chung ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H đối với ông Trần Phương P.

Xử cho bà Nguyễn Thị Bích H và ông Trần Phương P được ly hôn.

2. Về con chung: Đối với cháu Trần Anh K, sinh ngày 30/11/1995 và Trần Mộng Tr, sinh ngày 10/8/1997 đã trưởng thành, khỏe mạnh, có khả năng lao động và tự lo cho bản thân, Bà H và ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà H, ông P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà H, ông P trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Buộc Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng Bà H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0005534 ngày 02/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/7/2023), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Bảo Lộc;
- Chi cục THADS thành phố Bảo lộc;
- UBND xã L, thành phố Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Hòa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

